CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2023/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2023*

DỰ THẢO 4
ngày 15/9/2023

NGHỊ ĐỊNH
Về khám bệnh, chữa bệnh cho các đối tượng thuộc lực lượng vũ trang nhân dân

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định về khám bệnh, chữa bệnh cho các đối tượng thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về:

1. Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; hình thức tổ chức cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

2. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục cấp mới, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; đình chỉ hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

3. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục cấp mới, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi giấy phép hoạt động, đình chỉ hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

4. Cấp chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh; đăng ký tuyến và chuyển tuyến cung cấp dịch vụ kỹ thuật; chỉ đạo, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

5. Đánh giá và chứng nhận chất lượng đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, Ban Cơ yếu Chính phủ và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cơ quan được giao quản lý về y tế* là Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần/Bộ Quốc phòng, Cục Y tế/Bộ Công an có chức năng tham mưu giúp Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý nhà nước về y tế và các nhiệm vụ quy định trong Nghị định này.

2. *Phân cấp chuyên môn kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh* là việc phân loại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong một hệ thống thành các cấp theo thứ tự từ thấp đến cao, mà ở mỗi cấp có sự tương đồng về chuyên môn nghiệp vụ.

3. *Người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân* là người được cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm giữ chức vụ đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ hoạt động chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

4. Đào tạo chuyên sâu đặc thù trong lĩnh vực sức khỏe (sau đây gọi tắt là đào tạo chuyên sâu đặc thù) là đào tạo cho người đã được cấp bằng cử nhân trình độ đại học trong lĩnh vực sức khỏe để đạt chuẩn năng lực nghề nghiệp, có khả năng tự học nâng cao trình độ, làm việc độc lập và nghiên cứu ứng dụng với vai trò chuyên gia, đào tạo chuyển giao kỹ thuật, ứng dụng công nghệ trong y học, chủ động giải quyết thành thạo những vấn đề chuyên môn thuộc chuyên ngành đào tạo trong quá trình hoạt động nghề nghiệp.

5. Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh để cấp giấy phép hành nghề là thời gian tính từ ngày người hành nghề trực tiếp khám bệnh, chữa bệnh hoặc chăm sóc người bệnh sau khi được cấp văn bằng chuyên môn (được tính từ ngày có quyết định bổ nhiệm, điều động, tuyển dụng hoặc ký kết hợp đồng lao động, hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh) đến ngày đề nghị cấp giấy phép hành nghề (bao gồm cả thời gian học đào tạo chuyên sâu đặc thù hoặc thời gian đào tạo sau đại học đúng chuyên khoa đề nghị cấp giấy phép hành nghề).

6. *Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong giấy phép hành nghề* là bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc chuyên khoa, chuyên ngành khác với chuyên khoa, chuyên ngành trong giấy phép hành nghề đã được cấp có thẩm quyền cấp.

7. *Bổ sung kỹ thuật chuyên môn trong giấy phép hành nghề* là bổ sung kỹ thuật chuyên môn thuộc chuyên khoa, chuyên ngành khác so với chuyên khoa, chuyên ngành trong giấy phép hành nghề đã được cấp có thẩm quyền cấp.

8. *Thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong giấy phép hành nghề* là thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc chuyên khoa, chuyên ngành khác với chuyên khoa, chuyên ngành trong giấy phép hành nghề đã được cấp có thẩm quyền cấp.

9. *Công an đơn vị, địa phương* là Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị trực thuộc Bộ Công an (bao gồm các bệnh viện, học viện, trường Công an nhân dân).

10. *Quân y cơ quan, đơn vị* là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Quân đội có bác sỹ hoặc y sỹ, không được biên chế giường bệnh nội trú.

11. *Y tế cơ quan, đơn vị* là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc cơ quan, đơn vị Công an cấp huyện và tương đương, phân trại giam, phân khu cơ sở giáo dục bắt buộc, phân hiệu trường giáo dưỡng, đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, đội tuần tra, kiểm soát giao thông và đơn vị có bố trí cán bộ y tế khác trong Công an nhân dân.

Điều 4. Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và hình thức tổ chức cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

1. Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân bao gồm:

a) Đối tượng phải có giấy phép hành nghề quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

b) Y tá, chiến sĩ vệ sinh thuộc đơn vị lực lượng vũ trang không cần giấy phép hành nghề.

2. Hình thức tổ chức cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, gồm:

a) Bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa, phân viện, viện nghiên cứu có giường bệnh (sau đây gọi chung là bệnh viện);

b) Trung tâm nghiên cứu, trung tâm an điều dưỡng, trung tâm điều dưỡng và phục hồi chức năng có giường bệnh (sau đây gọi chung là trung tâm);

c) Bệnh xá, đội điều trị, tàu vận tải kiêm quân y (sau đây gọi chung là bệnh xá);

d) Phòng khám đa khoa của cơ quan, đơn vị từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên, phòng khám quân - dân y (sau đây gọi chung là phòng khám đa khoa);

đ) Phòng khám chuyên khoa, phòng khám liên chuyên khoa của cơ quan, đơn vị từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên; phòng khám chuyên khoa thuộc trung tâm điều dưỡng và phục hồi chức năng (sau đây gọi chung là phòng khám chuyên khoa);

e) Tổ quân y, Tổ y tế của cơ quan, đơn vị;

g) Quân y, y tế cơ quan, đơn vị; phòng khám có người chịu trách nhiệm chuyên môn có phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.

Điều 5. Quyền, nghĩa vụ của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và quyền, trách nhiệm cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

1. Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46 và 47 Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

2. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân thực hiện các quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 59, Điều 60 Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

3. Ngoài quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Công an nhân dân, Luật quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, Luật Cơ yếu và pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Thẩm quyền cấp mới, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép hành nghề, đình chỉ hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; cấp mới, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi giấy phép hoạt động, đình chỉ hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an cấp hoặc phân cấp thẩm quyền cho Cơ quan được giao quản lý về y tế quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này cấp mới, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, đình chỉ hành nghề, thu hồi giấy phép hành nghề, đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 28 Luật Khám bệnh, chữa bệnh; cấp mới, cấp lại, điều chỉnh, đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 51 Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Chương II
CẤP MỚI, CẤP LẠI, GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI HÀNH NGHỀ

Điều 7. Các trường hợp cấp mới, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, giấy phép hành nghề

1. Cấp mới giấy phép hành nghề áp dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các trường hợp sau:

a) Người hành nghề bị thu hồi giấy phép hành nghề thuộc các trường hợp quy định tại các điểm a, điểm b khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 29 Nghị định này;

b) Người hành nghề thay đổi văn bằng chuyên môn đã được ghi trên giấy phép hành nghề;

c) Người hành nghề không đủ điều kiện gia hạn giấy phép hành nghề.

2. Cấp lại giấy phép hành nghề áp dụng đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các trường hợp sau:

a) Người hành nghề bị thu hồi giấy phép hành nghề thuộc các trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

b) Người hành nghề bị thu hồi giấy phép hành nghề thuộc các trường hợp quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 29 Nghị định này.

3. Gia hạn giấy phép hành nghề được áp dụng đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Khám bệnh, chữa bệnh khi đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các điều kiện sau:

a) Không bị Hội đồng chuyên môn xác định có sai sót về chuyên môn y tế đến mức phải đình chỉ hành nghề từ 02 lần trở lên trong thời gian giấy phép hành nghề có hiệu lực;

b) Không đang trong thời gian bị đình chỉ hành nghề.

4. Điều chỉnh giấy phép hành nghề đối với các trường hợp sau đây:

a) Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong giấy phép hành nghề;

b) Bổ sung kỹ thuật chuyên môn trong giấy phép hành nghề;

c) Bổ sung chuyên khoa, chuyên ngành khác với chuyên khoa, chuyên ngành ghi trong chứng chỉ hành nghề đã được cấp có thẩm quyền cấp;

d) Thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong giấy phép hành nghề;

đ) Thay đổi thông tin cá nhân và văn bằng chuyên môn trong giấy phép hành nghề.

Điều 8. Hồ sơ đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề

Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh khi đạt đủ các điều kiện quy định tại các điểm a, b và d khoản 2 Điều 30 Luật Khám bệnh, chữa bệnh thì được cấp mới giấy phép hành nghề, hồ sơ gồm:

1. Đơn đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định này.

2. Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm a, b và d khoản 2 Điều 30 Luật Khám bệnh, chữa bệnh, bao gồm bản sao hợp lệ văn bằng hoặc chứng nhận trình độ chuyên môn sau:

a) Văn bằng chuyên môn ngành y;

b) Văn bằng cử nhân y khoa do nước ngoài cấp, được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tương đương trình độ đại học và kèm theo giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo bổ sung theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế được tham dự kỳ thi đánh giá năng lực để cấp cho phạm vi hành nghề tương ứng văn bằng được cấp;

c) Văn bằng cử nhân hoặc cao đẳng về kỹ thuật xét nghiệm y học, kỹ thuật hình ảnh y học, kỹ thuật phục hình răng, kỹ thuật khúc xạ nhãn khoa, kỹ thuật phục hồi chức năng; văn bằng kỹ thuật y chuyên khoa được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực để cấp giấy phép hành nghề với phạm vi hành nghề kỹ thuật y chuyên khoa tương ứng;

d) Văn bằng cử nhân dinh dưỡng, cao đẳng dinh dưỡng; văn bằng dinh dưỡng chuyên khoa được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực để cấp giấy phép hành nghề với phạm vi hành nghề dinh dưỡng chuyên khoa tương ứng;

đ) Giấy chứng nhận đạt kết quả tại kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

3. Giấy xác nhận thời gian thực hành theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định này, hoặc bản sao hợp lệ các văn bằng tốt nghiệp bác sỹ nội trú, bác sỹ chuyên khoa theo quy định về đào tạo chuyên sâu đặc thù.

4. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị công tác từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên.

5. Hai ảnh chân dung màu, nền trắng, kích thước 04 cm x 06 cm, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày nộp đơn.

Điều 9. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề

Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh khi đạt đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Khám bệnh, chữa bệnh thì được cấp lại giấy phép hành nghề:

1. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 31 Luật Khám bệnh, chữa bệnh gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định này;

b) Hai ảnh chân dung màu, nền trắng, kích thước 04 cm x 06 cm, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày nộp đơn.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề trong trường hợp đã bị thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 29 Nghị định này, gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định này;

b) Giấy chứng nhận đã cập nhật kiến thức y khoa liên tục theo quy định tại Điều 22 Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

c) Bản nhận xét của thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về khả năng chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp của người đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề;

d) Giấy chứng nhận đạt kết quả tại kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 10. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép hành nghề

Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh khi đạt đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 32 Luật Khám bệnh, chữa bệnh thì được gia hạn giấy phép hành nghề, hồ sơ gồm:

1. Đơn đề nghị gia hạn giấy phép hành nghề theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định này.

2. Giấy chứng nhận đã cập nhật kiến thức y khoa liên tục theo quy định tại Điều 22 Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

3. Giấy chứng nhận đạt kết quả tại kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 11. Hồ sơ đề nghị và hình thức điều chỉnh giấy phép hành nghề

Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh khi đạt đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Khám bệnh, chữa bệnh thì được điều chỉnh giấy phép hành nghề, bao gồm: bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn; bổ sung kỹ thuật chuyên môn; thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn; thay đổi thông tin cá nhân và văn bằng chuyên môn

1. Hồ sơ đề nghị bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn:

a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hợp lệ văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận tham gia đào tạo chuyên môn phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn đề nghị bổ sung; văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận chuyên khoa, chuyên ngành khác với chuyên khoa, chuyên ngành trong giấy phép hành nghề đã được cấp;

c) Các giấy tờ quy định tại Điều 8 Nghị định này, trừ giấy xác nhận thời gian thực hành.

2. Hồ sơ đề nghị bổ sung kỹ thuật chuyên môn:

a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hợp lệ văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận kỹ thuật chuyên môn đề nghị bổ sung;

c) Các giấy tờ quy định tại Điều 8 Nghị định này, trừ giấy xác nhận thời gian thực hành.

3. Hồ sơ đề nghị thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn:

a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hợp lệ văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận tham gia đào tạo chuyên môn phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn đề nghị thay đổi; văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận chuyên khoa, chuyên ngành khác với chuyên khoa, chuyên ngành trong giấy phép hành nghề đã được cấp;

c) Bản chính giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp;

d) Các giấy tờ quy định tại Điều 8 Nghị định này, trừ giấy xác nhận thời gian thực hành.

4. Hồ sơ đề nghị thay đổi thông tin cá nhân và văn bằng chuyên môn trong giấy phép hành nghề:

a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 07 Phụ lục II kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng minh thông tin cá nhân hoặc văn bằng chuyên môn của người hành nghề;

c) Bản chính giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp;

d) Hai ảnh chân dung màu, nền trắng, kích thước 04 cm x 06 cm, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày nộp đơn.

5. Quyết định điều chỉnh giấy phép hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục V kèm theo Nghị định này; quyết định điều chỉnh giấy phép hành nghề là một thành phần không tách rời giấy phép hành nghề đã cấp.

Điều 12. Trình tự cấp mới, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

1. Người đề nghị cấp mới, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại các Điều 8, 9, 10 và Điều 11 Nghị định này trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc chuyển dữ liệu điện tử về Phòng/Ban quân y cấp trên trực tiếp cho tới đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng hoặc cơ sở y tế trực thuộc Công an đơn vị, địa phương thuộc Bộ Công an.

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổng hợp, lập danh sách gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc chuyển dữ liệu điện tử về Cơ quan được giao quản lý về y tế kèm theo hồ sơ đề nghị của người hành nghề và công văn đề nghị của thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc Cơ quan được giao quản lý về y tế phải có văn bản trả lời đơn vị gửi hồ sơ, trong đó nêu cụ thể lý do không hợp lệ, yêu cầu sửa đổi hoặc bổ sung tài liệu có trong hồ sơ đề nghị. Thời gian sửa đổi, bổ sung tài liệu có trong hồ sơ không được tính vào thời hạn giải quyết.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được giao quản lý về y tế xét duyệt hồ sơ, hoàn thiện thủ tục, trình cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này cấp lần đầu, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hành nghề. Trường hợp không cấp lần đầu, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hành nghề thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này quyết định, Cơ quan được giao quản lý về y tế trả giấy phép hành nghề cho người hành nghề.

Điều 13. Quản lý giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

1. Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

a) Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh là bản giấy cứng theo mẫu

chung của Bộ Y tế. Nội dung trình bày theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định này, do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an in, cấp, quản lý;

b) Số giấy phép hành nghề phải bảo đảm tính liên tục, không trùng lặp trong quá trình cấp và mỗi người hành nghề chỉ được cấp một giấy phép hành nghề có thời hạn 05 năm và có giá trị sử dụng trên phạm vi toàn quốc;

c) Mã ký hiệu giấy phép hành nghề thực hiện theo Phụ lục IV kèm theo Nghị định này.

2. Quản lý hồ sơ, giấy phép hành nghề:

a) Giấy phép hành nghề của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng; sĩ quan, hạ sĩ quan công an nhân dân, công nhân viên công an trong biên chế do cá nhân tự quản lý;

b) Giấy phép hành nghề của hạ sĩ quan, binh sĩ thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an nhân dân và lao động hợp đồng do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quản lý;

c) Hồ sơ cấp mới, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề do Cơ quan được giao quản lý về y tế quản lý theo quy định của pháp luật về lưu trữ và pháp luật về bảo vệ bí mật của nhà nước.

Điều 14. Điều kiện, nguyên tắc đăng ký hành nghề

1. Người hành nghề của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân chỉ được hành nghề khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 19 Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

2. Nguyên tắc đăng ký hành nghề thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các quy định sau:

a) Một người hành nghề chỉ được làm người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của một cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;

b) Một người hành nghề chỉ được phụ trách chuyên môn một khoa của một cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; không được đồng thời phụ trách từ hai khoa trở lên trong cùng một cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc đồng thời làm người phụ trách khoa của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;

c) Người hành nghề chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân có thể kiêm nhiệm phụ trách một khoa trong cùng một cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và phải phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn trong giấy phép hành nghề đã được cấp;

d) Người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân được đăng ký hành nghề ngoài giờ và làm người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của một cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài giờ không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;

đ) Người hành nghề được đăng ký hành nghề tại một hoặc nhiều cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân nhưng không

được trùng thời gian khám bệnh, chữa bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Người hành nghề phải bảo đảm hợp lý về thời gian đi lại giữa các địa điểm hành nghề đã đăng ký;

e) Người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân không được đăng ký là người đứng đầu của bệnh viện tư nhân hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật hợp tác xã.

Điều 15. Thực hành khám bệnh, chữa bệnh

1. Người đề nghị cấp giấy phép hành nghề theo một trong các chức danh quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Khám bệnh, chữa bệnh phải hoàn thành thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo quy định. Các trường hợp được miễn thực hành:

a) Đã hoàn thành chương trình đào tạo bác sỹ nội trú hoặc bác sỹ chuyên khoa theo quy định về đào tạo chuyên sâu đặc thù trong lĩnh vực sức khỏe;

b) Người có giấy phép hành nghề do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam thừa nhận theo quy định tại Điều 29 Luật Khám bệnh, chữa bệnh và có phạm vi hành nghề phù hợp với chức danh và chuyên khoa được miễn thực hành.

2. Nội dung thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

a) Nội dung thực hành hành nghề khám bệnh, chữa bệnh gồm: Kỹ năng hành nghề khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với văn bằng chuyên môn của người thực hành; kỹ thuật hồi sức cấp cứu, an toàn người bệnh, xử lý sự cố y khoa; kiến thức pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, kỹ năng giao tiếp và ứng xử đối với người bệnh;

b) Nội dung thực hành với từng chức danh thực hiện theo quy định của Bộ Y tế và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an.

3. Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với các chức danh chuyên môn bảo đảm 8 giờ mỗi ngày và 5 ngày mỗi tuần cụ thể như sau:

a) Bác sỹ: 12 tháng;

b) Y sỹ: 9 tháng;

c) Điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, tâm lý lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện: 6 tháng.

4. Bảo lưu kết quả thực hành

a) Trong quá trình thực hành vì lý do sức khỏe hoặc bất khả kháng, người thực hành được tạm dừng thực hành trong thời gian tối đa 12 tháng và được bảo lưu các kết quả thực hành trước đó;

b) Người thực hành chuyển cơ sở hướng dẫn thực hành khác thì không được bảo lưu kết quả thực hành ở cơ sở trước đó, trừ trường hợp các cơ sở thực hành này có ký hợp đồng hợp tác đào tạo thực hành.

5. Cơ sở hướng dẫn thực hành

a) Đối với chức danh bác sỹ: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo hình thức tổ chức là bệnh viện;

b) Đối với chức danh bác sỹ y học cổ truyền: Bệnh viện y học cổ truyền hoặc bệnh viện có khoa y học cổ truyền;

c) Đối với chức danh bác sỹ răng hàm mặt: Bệnh viện chuyên khoa răng hàm mặt, bệnh viện có khoa răng hàm mặt;

d) Đối với chức danh y sỹ đa khoa: Bệnh viện đa khoa, trung tâm, bệnh xá;

đ) Đối với chức danh y sỹ y học cổ truyền: bệnh viện y học cổ truyền, bệnh viện đa khoa hoặc trung tâm có khoa y học cổ truyền và khoa y học cổ truyền;

e) Đối với chức danh y sỹ răng hàm mặt: bệnh viện răng hàm mặt, bệnh viện đa khoa hoặc trung tâm có khoa răng hàm mặt;

g) Đối với chức danh bác sỹ y học dự phòng: Bệnh viện có đơn vị y học dự phòng; cơ sở có chức năng nghiên cứu, đào tạo chuyên ngành y học dự phòng;

h) Đối với chức danh y sỹ sản nhi: Bệnh viện chuyên khoa sản nhi, bệnh viện đa khoa, trung tâm có khoa sản và khoa nhi, hoặc khoa sản nhi;

i) Đối với chức danh điều dưỡng: Bệnh viện, trung tâm, bệnh xá;

k) Đối với chức danh hộ sinh: Bệnh viện phụ sản, bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa, trung tâm có khoa phụ sản, nhà hộ sinh;

l) Đối với chức danh kỹ thuật y: Bệnh viện, trung tâm, bệnh xá, phòng khám có bộ phận thực hiện kỹ thuật phù hợp với nội dung thực hành của kỹ thuật y;

m) Đối với chức danh dinh dưỡng lâm sàng: Bệnh viện có khoa dinh dưỡng;

n) Đối với chức danh tâm lý lâm sàng: Bệnh viện, trung tâm có khoa tâm thần; bệnh viện chuyên khoa tâm thần;

o) Đối với chức danh cấp cứu ngoại viện: Bệnh viện, trung tâm, bệnh xá có đơn vị cấp cứu ngoại viện.

6. Điều kiện, trách nhiệm của cơ sở hướng dẫn thực hành

a) Điều kiện: Đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe (sau đây viết tắt là Nghị định số 111/2017/NĐ-CP); được cấp giấy phép hoạt động thuộc một trong các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Điều 4 Nghị định này; có phạm vi hoạt động chuyên môn phù hợp với nội dung thực hành do Bộ Y tế quy định; được phép ký hợp đồng hợp tác với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác trong trường hợp không đủ các chuyên khoa theo nội dung thực hành;

b) Trách nhiệm: Thực hiện đăng ký tiếp nhận, phân công người hướng dẫn và tổ chức thực hành theo quy định tại Nghị định số 111/2017/NĐ-CP và hướng dẫn của Cơ quan được giao quản lý về y tế; tự công bố thông tin nội dung

hướng dẫn thực hành trên trang thông tin điện tử của cơ sở và gửi về Cơ quan được giao quản lý về y tế.

Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày bắt đầu quá trình thực hành, thông báo danh sách người đăng ký tham gia thực hành với Cơ quan được giao quản lý về y tế, bao gồm: Họ và tên, văn bằng chuyên môn, chức danh và phạm vi hành nghề đăng ký thực hành, dự kiến thời gian bắt đầu và kết thúc thực hành, thông tin người giảng dạy thực hành (ghi rõ số giấy phép hành nghề); cơ sở thực hành ký hợp đồng hợp tác (nếu có).

Tổ chức thực hành theo hướng dẫn của Cơ quan được giao quản lý về y tế; kết thúc thực hành, xác nhận theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định này và chịu trách nhiệm về chất lượng thực hành.

7. Tổ chức thực hành

a) Người thực hành, cơ sở thực hành có các quyền và trách nhiệm quy định tại Điều 13, 14, 15 và 17 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP;

b) Người giảng dạy thực hành có quyền, trách nhiệm của người giảng dạy thực hành quy định tại Điều 16 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP và các quyền, trách nhiệm sau: Được từ chối hướng dẫn thực hành nếu không phù hợp với chuyên môn, khả năng hoặc vì lý do chính đáng khác; bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành; chịu trách nhiệm nếu để người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh;

c) Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người giảng dạy thực hành đối với người thực hành, người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định này và chịu trách nhiệm về chất lượng thực hành. Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành có hiệu lực trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày cấp;

d) Đánh giá, nhận xét của người giảng dạy thực hành và xác nhận quá trình thực hành phải bảo đảm khách quan, trung thực.

Điều 16. Kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

1. Điều kiện về văn bằng của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực để cấp giấy phép hành nghề đối với các chức danh chuyên môn:

a) Đối với chức danh bác sỹ, gồm: Bác sỹ đa khoa, bác sỹ y khoa, bác sỹ y đa khoa và các văn bằng bác sỹ tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là văn bằng bác sỹ đa khoa), bác sỹ răng hàm mặt (bác sỹ nha khoa), bác sỹ y học cổ truyền, bác sỹ y học dự phòng được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực theo phạm vi hành nghề tương ứng là bác sỹ đa khoa, bác sỹ răng hàm mặt, bác sỹ y học cổ truyền, bác sỹ y học dự phòng.

Đối với văn bằng bác sỹ chuyên khoa theo quy định về đào tạo chuyên sâu đặc thù được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề theo phạm vi hành nghề bác sỹ chuyên khoa tương ứng;

b) Đối với chức danh y sỹ, gồm: Y sỹ đa khoa, cao đẳng y sỹ đa khoa, cao đẳng y sỹ y học cổ truyền hoặc cao đẳng y học cổ truyền, y sỹ sản nhi, y sỹ răng hàm mặt và các văn bằng y sỹ tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là văn bằng y sỹ) được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực theo phạm vi hành nghề y sỹ tương ứng;

c) Đối với chức danh điều dưỡng, gồm: Cử nhân điều dưỡng; cao đẳng điều dưỡng; văn bằng điều dưỡng chuyên khoa được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực theo phạm vi hành nghề điều dưỡng chuyên khoa tương ứng;

d) Đối với chức danh hộ sinh, gồm: Cử nhân hộ sinh, cao đẳng hộ sinh, hộ sinh chuyên khoa được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực theo phạm vi hành nghề hộ sinh chuyên khoa tương ứng;

đ) Đối với chức danh kỹ thuật y, gồm: Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học, cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học; cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học, cao đẳng kỹ thuật hình ảnh y học; cử nhân kỹ thuật phục hình răng, cao đẳng kỹ thuật phục hình răng; cử nhân khúc xạ nhãn khoa; cử nhân kỹ thuật phục hồi chức năng, cử nhân vật lý trị liệu, cử nhân hoạt động trị liệu, cử nhân ngôn ngữ trị liệu, cử nhân dụng cụ chỉnh hình, cao đẳng kỹ thuật phục hồi chức năng, cao đẳng vật lý trị liệu, cao đẳng hoạt động trị liệu, cao đẳng ngôn ngữ trị liệu, cao đẳng dụng cụ chỉnh hình được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực theo phạm vi hành nghề tương ứng là kỹ thuật xét nghiệm y học, kỹ thuật hình ảnh y học, kỹ thuật khúc xạ nhãn khoa, kỹ thuật phục hồi chức năng.

Đối với văn bằng kỹ thuật y chuyên sâu đặc thù được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực theo phạm vi hành nghề kỹ thuật y chuyên khoa tương ứng;

e) Đối với chức danh dinh dưỡng lâm sàng, gồm: Cử nhân dinh dưỡng, cao đẳng dinh dưỡng được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực theo phạm vi hành nghề tương ứng là dinh dưỡng lâm sàng.

Đối với văn bằng dinh dưỡng chuyên khoa được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực theo phạm vi hành nghề dinh dưỡng chuyên khoa tương ứng;

g) Đối với chức danh tâm lý lâm sàng, gồm: bác sỹ đa khoa, cử nhân y khoa, cử nhân điều dưỡng hoặc cử nhân tâm lý học phải hoàn thành chương trình đào tạo về tâm lý lâm sàng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực theo phạm vi hành nghề tương ứng là tâm lý lâm sàng.

Văn bằng đào tạo sau đại học chuyên ngành tâm lý học lâm sàng của bác sỹ đa khoa, cử nhân y khoa, cử nhân điều dưỡng, cử nhân tâm lý học hoặc thạc sỹ tâm lý học lâm sàng được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực theo phạm vi hành nghề tương ứng là tâm lý lâm sàng;

h) Đối với chức danh cấp cứu viên ngoại viện, gồm: Bác sỹ đa khoa, bác sỹ răng hàm mặt (bác sỹ nha khoa), bác sỹ y học cổ truyền, bác sỹ y học dự phòng, bác sỹ chuyên khoa theo quy định về đào tạo chuyên sâu đặc thù; văn bằng y sỹ; cử nhân hoặc cao đẳng điều dưỡng; cử nhân hoặc cao đẳng cấp cứu ngoại viện được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực theo phạm vi hành nghề tương ứng là cấp cứu viên ngoại viện;

i) Người có văn bằng tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tương đương trình độ của các chức danh chuyên môn quy định tại khoản này thì được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực theo chức danh và phạm vi hành nghề tương ứng.

Đối với văn bằng cử nhân y khoa, phải hoàn thành chương trình đào tạo bổ sung theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế thì được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực theo chức danh chuyên môn là bác sỹ với phạm vi hành nghề tương ứng là bác sỹ đa khoa, bác sỹ răng hàm mặt, bác sỹ y học cổ truyền, bác sỹ y học dự phòng;

2. Tổ chức đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

a) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phối hợp với Hội đồng Y khoa Quốc gia tổ chức kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho người hành nghề thuộc lực lượng vũ trang;

b) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Điều này.

Chương III

CẤP MỚI, CẤP LẠI, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG

Mục 1

ĐIỀU KIỆN CẤP MỚI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG

Điều 17. Điều kiện chung để cấp giấy phép hoạt động đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

1. Có quyết định thành lập của cấp có thẩm quyền.

2. Có địa điểm cố định (trừ trường hợp tổ chức khám bệnh, chữa bệnh lưu động).

3. Cơ cấu tổ chức phù hợp với các hình thức tổ chức cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

4. Cơ sở vật chất:

a) Bảo đảm các điều kiện về an toàn bức xạ, phòng cháy chữa cháy, xử lý chất thải y tế theo quy định của pháp luật;

b) Phải bố trí khu vực đáp ứng điều kiện thực hiện công tác kiểm soát nhiễm khuẩn và vệ sinh môi trường.

5. Trang thiết bị y tế:

a) Có đủ trang thiết bị y tế phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở;

b) Phòng khám tư vấn sức khỏe hoặc phòng tư vấn sức khỏe từ xa phải có đủ các phương tiện công nghệ thông tin, viễn thông, thiết bị phù hợp với phạm vi hoạt động đăng ký.

6. Nhân lực:

a) Mỗi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải có một người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật;

b) Người phụ trách khoa, bộ phận chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh là cán bộ, nhân viên y tế có giấy phép hành nghề phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của khoa, bộ phận đó;

c) Người hành nghề làm việc trong cơ sở nếu thực hiện khám bệnh, chữa bệnh phải có giấy phép hành nghề và chỉ được khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi hành nghề quy định tại giấy phép hành nghề. Căn cứ vào phạm vi hoạt động chuyên môn, văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận đào tạo và năng lực của người hành nghề, người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phân công người hành nghề thực hiện các kỹ thuật chuyên môn bằng văn bản;

d) Các đối tượng tham gia khám bệnh, chữa bệnh không cần giấy phép hành nghề theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh (kỹ sư vật lý y học, kỹ sư xạ trị, âm ngữ trị liệu, tâm lý trị liệu và các đối tượng khác) được phép thực hiện nhiệm vụ theo phân công của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; việc phân công phải phù hợp với văn bằng chuyên môn của người đó.

7. Phạm vi hoạt động chuyên môn thực hiện các dịch vụ kỹ thuật chuyên môn theo danh mục được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 18. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện

Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thực hiện theo Điều 17 Nghị định này và các điều kiện sau:

1. Quy mô phải có tối thiểu là 30 giường bệnh.

2. Tổ chức các khoa:

a) Có tối thiểu 02 trong 04 khoa (nội, ngoại, sản, nhi) đối với bệnh viện đa khoa hoặc một khoa lâm sàng phù hợp đối với bệnh viện chuyên khoa;

b) Khoa khám bệnh: Có bộ phận tiếp đón người bệnh, bộ phận cấp cứu, phòng khám, phòng tiểu phẫu (nếu thực hiện tiểu phẫu);

c) Khoa cận lâm sàng: Có tối thiểu một phòng xét nghiệm và một phòng chẩn đoán hình ảnh;

d) Có khoa, bộ phận dược, trang bị;

đ) Các khoa, phòng chuyên môn khác phải phù hợp với quy mô, chức năng nhiệm vụ;

e) Có các phòng, khoa, ban, bộ phận thực hiện chức năng về kế hoạch tổng hợp, tổ chức nhân lực, quản lý chất lượng, điều dưỡng, tài chính kế toán, kiểm soát nhiễm khuẩn, công nghệ thông tin, dinh dưỡng và các chức năng cần thiết khác.

3. Cơ sở vật chất:

Tùy theo quy mô, bệnh viện phải được thiết kế, xây dựng đáp ứng các điều kiện sau:

a) Bố trí các bộ phận bảo đảm hoạt động chuyên môn theo mô hình tập trung, liên hoàn, khép kín;

b) Bảo đảm diện tích sàn xây dựng tối thiểu là 50 m^2/giường bệnh trở lên; chiều rộng mặt trước (mặt tiền) bệnh viện phải đạt tối thiểu là 10 m;

c) Có hệ thống cung cấp điện dự phòng.

4. Trang thiết bị: Có đủ phương tiện vận chuyển cấp cứu trong và ngoài bệnh viện. Trường hợp không có phương tiện cấp cứu ngoài bệnh viện, phải có hợp đồng với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp giấy phép hoạt động và có phạm vi hoạt động chuyên môn về cung cấp dịch vụ cấp cứu hỗ trợ vận chuyển người bệnh.

5. Nhân lực:

a) Số lượng người hành nghề làm việc toàn thời gian trong từng khoa phải đạt tỷ lệ tối thiểu 50% tổng số người hành nghề trong khoa;

b) Trưởng các khoa chuyên môn phải là người hành nghề làm việc toàn thời gian tại bệnh viện;

c) Trưởng khoa khác không thuộc đối tượng cấp giấy phép hành nghề phải có bằng tốt nghiệp đại học với chuyên ngành phù hợp với công việc được giao và phải là người hành nghề làm việc toàn thời gian tại bệnh viện.

Điều 19. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với trung tâm

Trung tâm phải đạt các điều kiện quy định tại Điều 17 Nghị định này và các điều kiện sau:

1. Quy mô phải có tối thiểu 10 giường bệnh.

2. Tổ chức các khoa, bộ phận:

a) Có tối thiểu 02 khoa, bộ phận (nội, ngoại) hoặc một khoa lâm sàng phù hợp đối với chuyên ngành theo nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật của trung tâm. Đối với trung tâm điều dưỡng và phục hồi chức năng có tối thiểu 01 bộ phận khám và 01 bộ phận phục hồi chức năng phù hợp đối với chuyên ngành theo nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật của trung tâm;

b) Có bộ phận tiếp đón người bệnh, bộ phận cấp cứu, phòng khám, phòng tiểu phẫu (nếu thực hiện tiểu phẫu);

c) Có bộ phận xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh;

d) Có bộ phận dược và các bộ phận chuyên môn khác phù hợp với quy mô, chức năng nhiệm vụ;

đ) Có các phòng, khoa, ban, bộ phận hoặc cán bộ chuyên trách thực hiện chức năng về kế hoạch tổng hợp, tổ chức nhân lực, quản lý chất lượng, điều dưỡng, tài chính kế toán, kiểm soát nhiễm khuẩn, công nghệ thông tin, dinh dưỡng và các chức năng cần thiết khác.

3. Cơ sở vật chất:

Tùy theo quy mô, trung tâm phải được thiết kế, xây dựng đáp ứng các điều kiện sau:

a) Bố trí các bộ phận bảo đảm hoạt động chuyên môn theo mô hình tập trung, liên hoàn, khép kín;

b) Bảo đảm các điều kiện về xử lý chất thải y tế theo quy định của pháp luật về môi trường.

4. Trang thiết bị phải đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 17 Điều này.

5. Nhân lực: Số lượng cán bộ, nhân viên; tỷ lệ cơ cấu thành phần; chức danh từng vị trí theo biểu tổ chức, biên chế được cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 20. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh xá

Bệnh xá phải đạt các điều kiện quy định tại Điều 17 Nghị định này và các điều kiện sau:

1. Quy mô phải có tối thiểu 05 giường bệnh.

2. Tổ chức các ban, bộ phận:

a) Có tối thiểu 02 ban, bộ phận (nội, ngoại) hoặc chuyên khoa phù hợp với yêu cầu khám bệnh, chữa bệnh của bệnh xá;

b) Có bộ phận tiếp đón người bệnh, bộ phận cấp cứu, phòng khám, phòng tiểu phẫu (nếu thực hiện tiểu phẫu);

c) Có bộ phận cận lâm sàng (xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh);

d) Có bộ phận dược và các bộ phận chuyên môn khác phù hợp với quy mô, chức năng nhiệm vụ.

3. Cơ sở vật chất:

Tùy theo quy mô, bệnh xá phải được thiết kế, xây dựng đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định này.

4. Thiết bị y tế đáp ứng các điều kiện quy định khoản 5 Điều 17 Nghị định này.

5. Nhân lực: Số lượng cán bộ, nhân viên; tỷ lệ cơ cấu thành phần; chức danh từng vị trí theo biểu tổ chức, biên chế được cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 21. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám đa khoa

Phòng khám đa khoa phải đạt các điều kiện quy định tại Điều 17 Nghị định này và các điều kiện sau:

1. Tổ chức:

a) Có tối thiểu 02 bộ phận nội, ngoại;

b) Có bộ phận xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh;

2. Cơ sở vật chất: Có bộ phận cấp cứu, phòng khám chuyên khoa và phòng tiểu phẫu (nếu thực hiện tiểu phẫu). Các phòng khám trong phòng khám đa khoa phải có đủ diện tích để thực hiện kỹ thuật chuyên môn.

3. Có đủ trang thiết bị y tế phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở.

4. Nhân lực: Số lượng cán bộ, nhân viên; tỷ lệ cơ cấu thành phần; chức danh từng vị trí theo biểu tổ chức, biên chế được cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 22. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chuyên khoa

Phòng khám chuyên khoa phải đạt các điều kiện quy định tại Điều 17 Nghị định này và các điều kiện sau:

1. Có các bộ phận chuyên môn, cấp cứu phù hợp với chuyên khoa của phòng khám;

2. Có đủ trang thiết bị y tế phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở.

3. Nhân lực: Số lượng cán bộ, nhân viên; tỷ lệ cơ cấu thành phần; chức danh từng vị trí theo biểu tổ chức, biên chế được cấp có thẩm quyền quyết định;

Điều 23. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với Tổ quân y, Tổ y tế Công an

1. Có địa điểm cố định; bộ phận cấp cứu; bảo đảm các điều kiện về an toàn bức xạ (nếu có trang thiết bị y tế liên quan), phòng cháy chữa cháy, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật liên quan.

2. Có đủ trang thiết bị y tế phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở.

3. Nhân lực: Có người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật; các đối tượng khác phải có giấy phép hành nghề và chỉ khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi hành nghề tại giấy phép hành nghề.

4. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo danh mục được cấp có thẩm quyền phê duyệt

Điều 24. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với quân y, y tế cơ quan, đơn vị; phòng khám có người chịu trách nhiệm chuyên môn có phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đa khoa

1. Có địa điểm cố định; bộ phận cấp cứu; bảo đảm các điều phòng cháy chữa cháy, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật liên quan.

2. Có đủ trang thiết bị y tế phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở.

3. Nhân lực: Có người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật; các đối tượng khác phải có giấy phép hành nghề và chỉ khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi hành nghề tại giấy phép hành nghề.

4. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo danh mục được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Mục 2

HỒ SƠ, THỦ TỤC CẤP MỚI, CẤP LẠI, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG

Điều 25. Hồ sơ đề nghị cấp mới, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động

1. Hồ sơ đề nghị cấp mới giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật Khám bệnh, chữa bệnh phải đạt các điều kiện quy định tại các Điều 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23 và 24 Nghị định này tùy theo hình thức tổ chức cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cụ thể như sau:

a) Văn bản đề nghị của thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc người đứng đầu đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo Mẫu số 08 Phụ lục II kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc quyết định ban hành biểu tổ chức, biên chế của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cấp có thẩm quyền;

c) Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; người phụ trách bộ phận chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

d) Danh sách người đăng ký hành nghề của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân (bao gồm đăng ký người hành nghề và người làm việc chuyên môn tại cơ sở nhưng không thuộc diện phải cấp giấy phép hành nghề) theo Mẫu số 01 Phụ lục III kèm theo Nghị định này;

đ) Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu số 02 Phụ lục III kèm theo Nghị định này;

e) Danh sách những người đăng ký làm việc ngoài giờ không thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

g) Bản sao hợp lệ các văn bản, tài liệu khác chứng minh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức biên chế phù hợp với cấp chuyên môn kỹ thuật của một trong các loại hình tổ chức cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại các Điều 38, 39 và 40 Nghị định này;

h) Quyết định phê duyệt danh mục kỹ thuật của Cơ quan được giao quản lý về y tế.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cụ thể như sau:

a) Văn bản đề nghị của thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc người đứng đầu đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo Mẫu số 12 Phụ lục II kèm theo Nghị định này;

b) Bản gốc giấy phép hoạt động trong trường hợp bị hư hỏng hoặc có sai sót thông tin;

c) Tài liệu chứng minh đối với trường hợp bị mất và sai sót thông tin.

3. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên hoặc địa chỉ hoặc thời gian làm việc nhưng không thay đổi địa điểm cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

a) Văn bản đề nghị của thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc người đứng đầu đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo Mẫu số 09 Phụ lục II kèm theo Nghị định này;

b) Bản gốc giấy phép hoạt động và bản sao hợp lệ quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thay đổi hoặc địa chỉ hoặc thời gian làm việc nhưng không thay đổi địa điểm cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

4. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô hoạt động, gồm:

a) Văn bản đề nghị của thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc người đứng đầu đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hợp lệ quyết định của cấp có thẩm quyền về tổ chức biên chế của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

c) Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế theo Mẫu số 02 Phụ lục III kèm theo Nghị định này.

5. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn, gồm:

a) Văn bản quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

b) Bản sao hợp lệ quyết định phê duyệt danh mục kỹ thuật của Cơ quan được giao quản lý về y tế;

c) Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế và hồ sơ nhân lực tương ứng với phạm vi hoạt động chuyên môn dự kiến điều chỉnh theo Mẫu số 02 Phụ lục III kèm theo Nghị định này.

6. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động đối với cơ sở thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

a) Văn bản đề nghị của thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc người đứng đầu đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo Mẫu số 11 Phụ lục II kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật mới của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

c) Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề của người được bổ nhiệm chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

d) Bản chính giấy phép hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp.

Điều 26. Trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động, thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp mới, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Điều 25 Nghị định này, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc chuyển dữ liệu điện tử về Phòng/Ban quân y cấp trên cho đến đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng; cơ sở y tế trực thuộc Công an đơn vị, địa phương thuộc Bộ Công an hoặc Cơ quan được giao quản lý về y tế.

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổng hợp, lập danh sách gửi Cơ quan được giao quản lý về y tế kèm theo hồ sơ đề nghị của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và công văn đề nghị của thủ trưởng đơn vị.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc Cơ quan được giao quản lý về y tế phải có văn bản trả lời đơn vị gửi hồ sơ, trong đó nêu cụ thể lý do không hợp lệ, yêu cầu sửa đổi hoặc bổ sung tài liệu có trong hồ sơ đề nghị. Thời gian sửa đổi, bổ sung tài liệu có trong hồ sơ không được tính vào thời hạn giải quyết.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được giao quản lý về y tế tiến hành xét duyệt hồ sơ và hoàn thiện thủ tục trình cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này cấp mới, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động.

3. Trong thời gian 20 ngày, kể từ ngày cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này quyết định, Cơ quan được giao quản lý về y tế trả giấy phép hoạt động cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

4. Thủ tục phải thực hiện sau khi cấp mới, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân

a) Thông báo bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Y tế nơi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp giấy phép hoạt động đặt trụ sở trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày được cấp mới, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động;

b) Đăng tải danh sách cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được cấp mới, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động thuộc thẩm quyền lên Cổng thông tin điện tử Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong thời gian 05 ngày làm việc.

Điều 27. Quản lý giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh

1. Giấy phép hoạt động là bản giấy cứng theo mẫu chung của Bộ Y tế. Nội dung trình bày theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định này, do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an in, cấp, quản lý.

2. Mỗi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chỉ được cấp một giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh. Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có nhiều địa điểm hoạt động thì mỗi địa điểm đều phải đáp ứng các điều kiện quy định tại các Điều 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23 và 24 Nghị định này theo từng loại hình cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và được cấp một giấy phép hoạt động;

Chương IV

THU HỒI GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ VÀ XỬ LÝ SAU THU HỒI GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ; THU HỒI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH; ĐÌNH CHỈ HÀNH NGHỀ ĐỐI VỚI NGƯỜI HÀNH NGHỀ VÀ ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN CỦA CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Điều 28. Trường hợp, thủ tục thu hồi giấy phép hành nghề

1. Đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 35 Luật Khám bệnh, chữa bệnh:

a) Cơ quan, đơn vị, cá nhân khi phát hiện người hành nghề thuộc trường hợp phải thu hồi giấy phép hành nghề phải thông báo cho Cơ quan được giao quản lý về y tế;

b) Cơ quan được giao quản lý về y tế có trách nhiệm xác minh hồ sơ, tài liệu và thông tin do cơ quan, đơn vị, cá nhân cung cấp, báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này quyết định.

c) Quyết định thu hồi giấy phép hành nghề theo Mẫu số 02 Phụ lục V kèm theo Nghị định này.

2. Đối với trường hợp quy định tại các điểm đ, e, g và h khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh:

a) Hội đồng chuyên môn kết luận người hành nghề có sai sót chuyên môn kỹ thuật đến mức phải thu hồi giấy phép hành nghề hoặc bị cơ quan có thẩm quyền kết luận có vi phạm đạo đức nghề nghiệp đến mức phải đình chỉ hành nghề lần thứ hai hoặc cơ quan có thẩm quyền thông báo người hành nghề thuộc trường hợp bị cấm hành nghề.

b) Cơ quan được giao quản lý về y tế có trách nhiệm xác minh hồ sơ, tài liệu và thông tin do tổ chức, cá nhân cung cấp; báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này quyết định thu hồi giấy phép hành nghề;

c) Quyết định thu hồi giấy phép hành nghề theo Mẫu số 02 Phụ lục V kèm theo Nghị định này.

3. Đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh:

Cơ quan được giao quản lý về y tế có trách nhiệm tiếp nhận đơn đề nghị và giấy phép hành nghề do cá nhân cung cấp; báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này quyết định thu hồi giấy phép hành nghề.

4. Trong thời gian 10 ngày, kể từ khi xác minh được tài liệu, hồ sơ và thông tin, cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này ban hành quyết định thu hồi gồm các nội dung sau:

a) Họ và tên, số giấy phép hành nghề;

b) Thu hồi giấy phép hành nghề và lý do thu hồi;

c) Quyền khiếu nại về quyết định thu hồi giấy phép hành nghề trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

d) Điều kiện để tiếp tục hành nghề nếu thuộc trường hợp được cấp lại.

5. Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi, Cơ quan được giao quản lý về y tế có trách nhiệm:

a) Gửi quyết định cho người hành nghề và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quản lý người hành nghề;

b) Thực hiện việc hủy bỏ đăng ký hành nghề của người hành nghề đó trên hệ thống thông tin quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh;

c) Thông báo tới các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an quyết định thu hồi giấy phép hành nghề của người hành nghề.

Điều 29. Xử lý sau thu hồi giấy phép hành nghề

1. Đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại một trong các điểm a, b, c khoản 1 Điều 35 Luật Khám bệnh, chữa bệnh: Người có giấy phép hành nghề bị thu hồi phải thực hiện lại thủ tục đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề theo quy định tại Điều 12 Nghị định này mà không phải thực hiện lại thủ tục thi đánh giá năng lực hành nghề.

2. Đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 35 Luật Khám bệnh, chữa bệnh:

a) Trong thời gian 24 tháng kể từ ngày quyết định thu hồi giấy phép hành nghề có hiệu lực thi hành, nếu người có giấy phép hành nghề bị thu hồi hoàn thành thực hành theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này thì được thực hiện thủ tục cấp lại giấy phép hành nghề theo quy định tại Điều 9, Điều 12 Nghị định này;

b) Trường hợp sau 24 tháng, kể từ ngày quyết định thu hồi giấy phép hành nghề có hiệu lực thi hành, nếu người có giấy phép hành nghề bị thu hồi không hoàn thành thực hành theo quy định tại điểm a khoản này thì phải thực hiện quy trình cấp mới giấy phép hành nghề theo quy định tại Điều 8, Điều 12 Nghị định này.

3. Đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại một trong các điểm e, g, h, i khoản 1 Điều 35 Luật Khám bệnh, chữa bệnh

a) Trong thời gian 12 tháng, kể từ ngày quyết định thu hồi giấy phép hành nghề có hiệu lực thi hành, nếu người có giấy phép hành nghề bị thu hồi đã hoàn thành cập nhật kiến thức y khoa liên tục theo quy định tại Điều 16 Nghị định này thì được thực hiện thủ tục cấp lại giấy phép hành nghề theo quy định tại Điều 9, Điều 12 Nghị định này;

b) Trường hợp sau 12 tháng, kể từ ngày quyết định thu hồi giấy phép hành nghề có hiệu lực thi hành, nếu người có giấy phép hành nghề bị thu hồi không hoàn thành cập nhật kiến thức y khoa liên tục theo quy định tại điểm a khoản này phải thực hiện quy trình cấp mới giấy phép hành nghề theo quy định tại Điều 8, Điều 12 Nghị định này.

Điều 30. Thủ tục thu hồi giấy phép hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận của Hội đồng chuyên môn quy định tại Điều 101 Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc kết luận kiểm tra, thanh tra trong đó xác định cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vi phạm đến mức phải bị thu hồi giấy phép hoạt động hoặc khi nhận được văn bản đề nghị thu hồi giấy phép hoạt động của Cơ quan được giao quản lý về y tế, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này quyết định thu hồi giấy phép hoạt động theo Mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định này;

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi giấy phép hành nghề, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải nộp bản gốc giấy phép hoạt động về Cơ quan được giao quản lý về y tế.

3. Cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này thông báo bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Y tế nơi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đặt trụ sở trong thời gian 05 ngày, kể từ ngày quyết định thu hồi giấy phép hoạt động có hiệu lực thi hành và đăng tải thông tin về việc thu hồi giấy phép hoạt động trên cổng thông tin điện tử Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

4. Cơ sở bị thu hồi giấy phép hoạt động, phải thực hiện lại thủ tục đề nghị cấp mới giấy phép hoạt động theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định này.

Điều 31. Trường hợp, thủ tục đình chỉ hành nghề người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

1. Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh vi phạm một trong các quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; không thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này nhưng chưa gây hậu quả nghiêm trọng đến mức phải bị thu hồi giấy phép hành nghề quy định tại khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh thì bị đình chỉ hành nghề.

2. Mức độ sai sót chuyên môn kỹ thuật quy định tại Điều 100 Luật Khám bệnh, chữa bệnh là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này quyết định đình chỉ một phần hoặc toàn bộ phạm vi hoạt động chuyên môn trong giấy phép của người hành nghề.

3. Trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày có kết luận hoặc thông báo, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này quyết định đình chỉ theo Mẫu số 04 Phụ lục V kèm theo Nghị định này, gồm các nội dung sau:

a) Đình chỉ một phần hay toàn bộ phạm vi hành nghề của người hành nghề, nếu đình chỉ một phần thì nêu rõ phạm vi đình chỉ;

b) Yêu cầu về cập nhật kiến thức y khoa liên tục cho người hành nghề;

c) Điều kiện tiếp tục hành nghề.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định đình chỉ hành nghề, Cơ quan được giao quản lý về y tế có trách nhiệm:

a) Thông báo tới các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an quyết định đình chỉ hoạt động chuyên môn của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;

b) Gửi quyết định tạm đình chỉ cho người hành nghề hoặc thực hiện việc giới hạn phạm vi hành nghề của người bị đình chỉ trên hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh;

c) Gửi quyết định đình chỉ cho cơ quan đã cấp giấy phép hành nghề cho người hành nghề đó đối với trường hợp cơ quan ra quyết định đình chỉ không phải là cơ quan đã cấp giấy phép hành nghề cho người hành nghề.

5. Trường hợp quyết định đình chỉ không bắt buộc người hành nghề bị đình chỉ hoạt động phải cập nhật kiến thức y khoa liên tục thì người hành nghề được tiếp tục hành nghề khi hết thời hạn đình chỉ.

6. Trường hợp trong quyết định đình chỉ bắt buộc người hành nghề bị đình chỉ hoạt động phải cập nhật kiến thức y khoa liên tục, người hành nghề có trách nhiệm thực hiện cập nhật kiến thức y khoa liên tục và gửi kết quả cập nhật kiến thức y khoa liên tục theo quy định tại Điều 23 Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 32. Trách nhiệm của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh khi bị đình chỉ hành nghề do sai sót chuyên môn kỹ thuật

Ngay khi quyết định đình chỉ có hiệu lực thi hành, người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh phải thực hiện các nội dung sau:

1. Không được hành nghề khám bệnh, chữa bệnh một phần hoặc toàn bộ phạm vi hoạt động chuyên môn theo quyết định.

2. Báo cáo người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để có biện pháp đảm bảo an toàn sức khỏe, tính mạng cho người bệnh đối với các trường hợp đang thực hiện khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 33. Trường hợp, thủ tục đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động chuyên môn cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

1. Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có sai sót chuyên môn hoặc không bảo đảm một trong các điều kiện quy định tại Điều 49 Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc không bảo đảm một trong các điều kiện quy định tại các Điều 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23 và 24 Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ sai sót, không bảo đảm điều kiện, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này ban hành quyết định đình chỉ một phần hoặc toàn bộ giấy phép hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó theo Mẫu số 05 Phụ lục V kèm theo Nghị định này.

2. Mức độ sai sót chuyên môn kỹ thuật quy định tại Điều 100 Luật Khám bệnh, chữa bệnh là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này quyết định đình chỉ hoạt động chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Việc đình chỉ giấy phép hoạt động trong trường hợp phát hiện cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận của Hội đồng chuyên môn quy định tại Điều 101 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc kết luận kiểm tra, thanh tra xác định cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vi phạm đến mức phải đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động chuyên môn, cơ quan có

thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này ban hành quyết định đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động chuyên môn của cơ sở đó theo Mẫu số 05 Phụ lục V kèm theo Nghị định này.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, Cơ quan được giao quản lý về y tế có trách nhiệm:

a) Thông báo tới các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an quyết định đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

b) Đăng tải thông tin về việc đình chỉ hoạt động chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đồng thời thực hiện việc giới hạn phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bị đình chỉ trên hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 34. Trách nhiệm của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi bị đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động chuyên môn

Ngay khi quyết định đình chỉ hoạt động chuyên môn có hiệu lực, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải thực hiện các nội dung sau:

1. Không được thực hiện hoạt động khám bệnh, chữa bệnh theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Báo cáo cơ quan y tế cấp trên quản lý trực tiếp về số lượng, tình trạng người bệnh, phương án bảo đảm an toàn tính mạng cho người bệnh và kế hoạch chuyển người bệnh đến các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác đủ điều kiện để tiếp tục khám bệnh, chữa bệnh cho người bệnh.

3. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn tính mạng cho người bệnh hoặc chuyển người bệnh đang khám bệnh, chữa bệnh đến cơ sở khác có đủ điều kiện để tiếp tục khám bệnh, chữa bệnh cho người bệnh.

Điều 35. Thời gian đình chỉ hoạt động chuyên môn của người hành nghề và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

1. Thời gian đình chỉ hoạt động chuyên môn của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

a) Thời gian đình chỉ hoạt động chuyên môn được ghi trong quyết định đình chỉ hoạt động chuyên môn của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm và khả năng khắc phục của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh nhưng tối đa không quá 24 tháng;

b) Trường hợp người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị đình chỉ hoạt động quá thời gian đình chỉ mà người hành nghề chưa khắc phục được sai sót chuyên môn thì Cơ quan được giao quản lý về y tế báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này xem xét quyết định gia hạn thời gian

đình chỉ hoạt động chuyên môn của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh nhưng tổng thời gian đình chỉ và thời gian gia hạn đình chỉ tối đa không quá 24 tháng;

c) Trường hợp người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị đình chỉ hoạt động chuyên môn hết thời gian đình chỉ và thời gian gia hạn mà người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh không khắc phục được sai sót chuyên môn kỹ thuật thì Cơ quan được giao quản lý về y tế báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này quyết định thu hồi giấy phép hành nghề theo thủ tục quy định tại Điều 28 Nghị định này.

2. Thời gian đình chỉ hoạt động chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

a) Thời gian đình chỉ hoạt động chuyên môn được ghi trong quyết định đình chỉ hoạt động chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm và khả năng khắc phục của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng tối đa không quá 24 tháng;

b) Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bị đình chỉ hoạt động chuyên môn dưới 24 tháng, nếu quá thời gian đình chỉ mà cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chưa khắc phục được sai sót chuyên môn thì Cơ quan được giao quản lý về y tế báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này quyết định gia hạn thời gian đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng tổng thời gian đình chỉ và thời gian gia hạn đình chỉ tối đa không quá 24 tháng;

Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bị đình chỉ một phần hoạt động chuyên môn hết thời gian đình chỉ và thời gian gia hạn mà không khắc phục được sai sót chuyên môn kỹ thuật thì bị đình chỉ toàn bộ hoạt động chuyên môn;

c) Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bị đình chỉ toàn bộ hoạt động chuyên môn nếu đủ thời gian đình chỉ 24 tháng mà cơ sở không khắc phục được sai sót chuyên môn kỹ thuật thì Cơ quan được giao quản lý về y tế báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này quyết định thu hồi giấy phép hoạt động theo thủ tục quy định tại Điều 30 Nghị định này.

Điều 36. Hồ sơ, thủ tục cho phép được tiếp tục hành nghề sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn

1. Hồ sơ đề nghị cho phép người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tiếp tục hoạt động chuyên môn bao gồm:

a) Đơn đề nghị được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu số 05 Phụ lục II kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo về việc khắc phục sai sót chuyên môn của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh có xác nhận của chỉ huy đơn vị cấp trung đoàn trở lên;

c) Giấy chứng nhận cập nhật kiến thức y khoa liên tục về chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến sai sót chuyên môn của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong thời gian bị đình chỉ hoạt động chuyên môn.

2. Thủ tục cho phép người hành nghề tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

a) Người hành nghề gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc chuyển dữ liệu điện tử về đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổng hợp, gửi Cơ quan được giao quản lý về y tế kèm theo hồ sơ đề nghị của người hành nghề và công văn đề nghị của thủ trưởng đơn vị từ cấp trung đoàn trở lên.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổng hợp hoặc Cơ quan được giao quản lý về y tế phải có văn bản trả lời đơn vị gửi hồ sơ, trong đó nêu cụ thể lý do không hợp lệ, yêu cầu sửa đổi hoặc bổ sung tài liệu có trong hồ sơ đề nghị. Thời gian sửa đổi, bổ sung tài liệu có trong hồ sơ không được tính vào thời hạn giải quyết;

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được giao quản lý về y tế tiến hành xét duyệt hồ sơ và trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này quyết định cho phép người hành nghề tiếp tục hoạt động chuyên môn; nếu không cho phép người hành nghề tiếp tục hoạt động chuyên môn thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 37. Hồ sơ, thủ tục cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động sau khi bị đình chỉ

1. Hồ sơ đề nghị cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tiếp tục hoạt động chuyên môn bao gồm:

a) Đơn đề nghị được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu số 06 Phụ lục II kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo về việc khắc phục sai sót chuyên môn hoặc các biện pháp đã thực hiện để bảo đảm các điều kiện quy định tại các Điều 17 và một trong các Điều 18, 19, 20, 21, 22, 23 và 24 Nghị định này (tùy theo hình thức tổ chức cơ sở khám bệnh, chữa bệnh) có xác nhận của đơn vị cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; các tài liệu liên quan;

c) Bản sao hợp lệ giấy phép hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2. Thủ tục cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tiếp tục hoạt động chuyên môn:

a) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc chuyển dữ liệu điện tử về đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổng hợp.

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổng hợp tổng hợp,

lập danh sách gửi Cơ quan được giao quản lý về y tế kèm theo hồ sơ đề nghị của cơ sở và công văn đề nghị của thủ trưởng đơn vị từ cấp trung đoàn trở lên.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổng hợp hoặc Cơ quan được giao quản lý về y tế phải có văn bản trả lời đơn vị gửi hồ sơ, trong đó nêu cụ thể lý do không hợp lệ, yêu cầu sửa đổi hoặc bổ sung tài liệu có trong hồ sơ đề nghị;

b) Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được giao quản lý về y tế tiến hành xét duyệt hồ sơ báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này quyết định cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tiếp tục hoạt động chuyên môn; nếu không cho phép tiếp tục hoạt động chuyên môn thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Chương V
CẤP CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT; ĐĂNG KÝ TUYẾN VÀ CHUYỂN TUYẾN CUNG CẤP DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT; CHỈ ĐẠO, HỖ TRỢ CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT; ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH THUỘC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

Điều 38. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được xếp vào cấp khám bệnh, chữa bệnh ban đầu

1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được xếp vào cấp khám bệnh, chữa bệnh ban đầu (sau đây viết gọn là cấp ban đầu):

a) Quân y, y tế cơ quan, đơn vị; phòng khám có người chịu trách nhiệm chuyên môn có phạm vi hành nghề là khám bệnh, chữa bệnh đa khoa;

b) Tổ quân y cơ quan, đơn vị; tổ y tế cơ quan, đơn vị Công an;

c) Phòng khám đa khoa, phòng khám chuyên khoa;

2. Nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật của cấp ban đầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Điều này.

Điều 39. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được xếp vào cấp khám bệnh, chữa bệnh cơ bản

1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được xếp vào cấp khám bệnh, chữa bệnh cơ bản (sau đây viết gọn là cấp cơ bản):

a) Bệnh xá;

b) Bệnh viện Công an đơn vị, địa phương; bệnh viện quân - dân y trực thuộc Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, thành phố;

c) Trung tâm.

2. Nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật của cấp cơ bản thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 104 Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Điều này.

Điều 40. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được xếp vào cấp khám bệnh, chữa bệnh chuyên sâu

1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được xếp vào cấp khám bệnh, chữa bệnh chuyên sâu (sau đây viết gọn là cấp chuyên sâu):

a) Bệnh viện trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

b) Bệnh viện trực thuộc Tổng cục Hậu cần/Bộ Quốc phòng;

c) Bệnh viện trực thuộc Học viện Quân y/Bộ Quốc phòng;

d) Bệnh viện trực thuộc các quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh đoàn;

đ) Bệnh viện trực thuộc Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần/Bộ Quốc phòng.

2. Nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật của cấp chuyên sâu thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 104 Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Điều này.

Điều 41. Trách nhiệm đăng ký tuyến và chuyển tuyến cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh giữa các cơ sở theo cấp chuyên môn kỹ thuật

1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm đăng ký tuyến và chuyển tuyến cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh giữa các cơ sở theo cấp chuyên môn kỹ thuật trong hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo thứ tự từ thấp lên cao và ngược lại để bảo đảm tính liên tục, liên thông trong quản lý sức khỏe, cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hoặc chuyển tuyến tới các cơ sở y tế dân y trên địa bàn theo quy định của Bộ Y tế; phù hợp yêu cầu nhiệm vụ, chuyên môn y tế.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Điều này.

Điều 42. Chỉ đạo và nội dung hỗ trợ đào tạo thực hành y khoa, kỹ thuật chuyên môn giữa các cấp chuyên môn kỹ thuật

1. Chỉ đạo hỗ trợ đào tạo thực hành y khoa, kỹ thuật chuyên môn

a) Cấp chuyên sâu chỉ đạo, hỗ trợ cấp cơ bản và cấp ban đầu; cấp cơ bản chỉ đạo, hỗ trợ cấp ban đầu;

b) Các cấp chuyên môn kỹ thuật có trách nhiệm phối hợp, liên kết chặt chẽ trong khám bệnh, chữa bệnh, chuyển tuyến để tăng cường năng lực chuyên

môn; rút kinh nghiệm công tác khám bệnh, chữa bệnh người bệnh nhằm nâng cao hiệu quả khám bệnh, chữa bệnh.

2. Nội dung hỗ trợ đào tạo thực hành y khoa, kỹ thuật chuyên môn

a) Huấn luyện các đơn vị y tế cơ động về chuyên môn bảo đảm cho sẵn sàng chiến đấu và thu dung, cấp cứu hàng loạt đáp ứng các tình huống thiên tai, thảm họa;

b) Củng cố nền nếp, chế độ công tác chuyên môn; quản lý chất lượng, tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh;

c) Đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao kỹ thuật, nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh;

d) Khám sức khỏe định kỳ, khám sức khỏe tuyển nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an nhân dân; tuyển sinh quân sự, tuyển sinh công an nhân dân cho các đơn vị thuộc tuyến.

đ) Công tác y học dự phòng, kiểm soát nhiễm khuẩn;

e) Tiếp nhận, tổ chức huấn luyện tại chức về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật cho cán bộ, nhân viên các đơn vị;

g) Tạo nguồn, khai thác sử dụng trang thiết bị vật tư y tế; bảo dưỡng, bảo trì trang bị y tế;

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Điều này.

Điều 43. Đánh giá và chứng nhận chất lượng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

1. Hằng năm, căn cứ tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá chất lượng của Bộ Y tế; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tổ chức tự đánh giá chất lượng theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

2. Căn cứ hướng dẫn, tiêu chuẩn của Bộ Y tế và đặc thù hoạt động quốc phòng - an ninh, Cơ quan được giao quản lý về y tế tổ chức thẩm định, phúc tra kết quả tự đánh giá của mỗi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; đánh giá và chứng nhận chất lượng các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Việc tổ chức đánh giá và chứng nhận chất lượng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều 58 Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh mới thành lập, trước khi chính thức hoạt động, việc tổ chức đánh giá chứng nhận chất lượng thực hiện theo quy định của Bộ Y tế và hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Điều này.

Chương VI

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ LỘ TRÌNH VÀ CHUYỂN TIẾP LIÊN QUAN ĐẾN GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ

Điều 44. Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ hành nghề được cấp trước ngày 01/01/2024

1. Chứng chỉ hành nghề đã được cấp từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016: Phải hoàn thành việc cấp lại giấy phép hành nghề từ ngày 01 tháng 01năm 2024 đến trước ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo thủ tục quy định tại Nghị định này và định kỳ gia hạn 05 năm một lần kể từ ngày cấp.

2. Chứng chỉ hành nghề đã được cấp từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019: Phải hoàn thành việc cấp lại giấy phép hành nghề từ ngày 01 tháng 01năm 2025 đến trước ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo thủ tục quy định tại Nghị định này và định kỳ gia hạn 05 năm một lần kể từ ngày cấp.

3. Chứng chỉ hành nghề đã được cấp từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023: Phải hoàn thành việc cấp lại giấy phép hành nghề từ ngày 01 tháng 01năm 2026 đến trước ngày 31 tháng 12 năm 2026 theo thủ tục quy định tại Nghị định này và định kỳ gia hạn 05 năm một lần kể từ ngày cấp.

Điều 45. Thẩm quyền cấp mới, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng cấp hoặc phân cấp thẩm quyền cho Cơ quan được giao quản lý về y tế cấp mới, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép hành nghề đối với người làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

2. Bộ trưởng Bộ Công an cấp hoặc phân cấp thẩm quyền cho Cơ quan được giao quản lý về y tế cấp mới, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép hành nghề đối với người làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công an.

Điều 46. Các trường hợp cấp mới, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp

1. Các trường hợp cấp mới giấy phép hành nghề thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

2. Các trường hợp cấp lại giấy phép hành nghề thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định này và trường hợp người hành nghề được cấp chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024.

3. Các trường hợp gia hạn giấy phép hành nghề thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

4. Các trường hợp điều chỉnh giấy phép hành nghề thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định này.

Điều 47. Điều kiện văn bằng, chứng chỉ và thực hành để cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp

1. Điều kiện cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn bác sỹ

a) Điều kiện cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn bác sỹ có phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đa khoa: Có văn bằng bác sỹ đa khoa; thời gian thực hành và nội dung thực hành theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

b) Điều kiện cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn bác sỹ có phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa răng hàm mặt hoặc y học cổ truyền hoặc y học dự phòng: Có văn bằng bác sỹ răng hàm mặt hoặc bác sỹ y học cổ truyền hoặc bác sỹ y học dự phòng hoặc bác sỹ đa khoa có văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận chuyên khoa răng hàm mặt hoặc y học cổ truyền hoặc y học dự phòng phù hợp với phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đề nghị; thời gian thực hành và nội dung thực hành theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

Trường hợp người đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề có văn bằng bác sỹ nội trú, chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II, văn bằng thạc sỹ, tiến sỹ răng hàm mặt hoặc y học cổ truyền hoặc y học dự phòng phù hợp với phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đề nghị và được cấp không quá 24 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ thì không phải thực hành;

c) Điều kiện cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn bác sỹ có phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản này: Có văn bằng bác sỹ đa khoa; văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận chuyên khoa phù hợp với phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa đề nghị; thời gian thực hành và nội dung thực hành theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

Trường hợp người đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề có văn bằng bác sỹ nội trú, chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II, văn bằng thạc sỹ, tiến sỹ các chuyên ngành trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản này phù hợp với chuyên khoa đề nghị và được cấp không quá 24 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ thì không phải thực hành.

2. Điều kiện cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, tâm lý lâm sàng

a) Chức danh chuyên môn y sỹ: Có văn bằng y sỹ; thời gian thực hành và nội dung thực hành theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

b) Chức danh chuyên môn điều dưỡng: Có văn bằng cao đẳng hoặc cử nhân điều dưỡng; thời gian thực hành và nội dung thực hành theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Chức danh chuyên môn hộ sinh: Có văn bằng cao đẳng hoặc cử nhân hộ sinh; thời gian thực hành và nội dung thực hành theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

d) Chức danh chuyên môn là kỹ thuật y với phạm vi hành nghề là kỹ thuật viên chuyên ngành: Có văn bằng trung cấp hoặc cao đẳng hoặc đại học hoặc đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với phạm vi hành nghề kỹ thuật viên chuyên ngành đề nghị; thời gian thực hành và nội dung thực hành theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

đ) Chức danh chuyên môn là cấp cứu viên ngoại viện: Có một trong các văn bằng bác sỹ đa khoa, bác sỹ răng hàm mặt (bác sỹ nha khoa), bác sỹ y học cổ truyền, bác sỹ y học dự phòng, bác sỹ chuyên khoa theo quy định về đào tạo chuyên sâu đặc thù; cao đẳng y sỹ đa khoa; cao đẳng y sỹ y học cổ truyền hoặc cao đẳng y học cổ truyền; cử nhân hoặc cao đẳng điều dưỡng; cử nhân hoặc cao đẳng cấp cứu ngoại viện; thời gian thực hành và nội dung thực hành theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

e) Trường hợp người đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề có văn bằng bác sỹ nội trú, văn bằng chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II, văn bằng thạc sỹ, tiến sỹ các ngành, chuyên ngành thuộc lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với chuyên khoa đề nghị và được cấp không quá 24 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ thì không phải thực hành.

Điều 48. Hồ sơ đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong giai đoạn chuyển tiếp

1. Đơn đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định này.

2. Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm a, b và d khoản 2 Điều 30 Luật Khám bệnh, chữa bệnh, bao gồm bản sao hợp lệ văn bằng hoặc chứng nhận trình độ chuyên môn sau:

a) Văn bằng chuyên môn ngành y;

b) Văn bằng cử nhân y khoa do nước ngoài cấp được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tương đương trình độ đại học và kèm theo giấy chứng nhận đã qua đào tạo bổ sung theo ngành, chuyên ngành phù hợp với thời gian đào tạo tối thiểu là 12 tháng tại cơ sở đào tạo hợp pháp của Việt Nam theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế thì được coi là tương đương với văn bằng bác sỹ và được cấp chứng chỉ hành nghề với chức danh là bác sỹ;

c) Văn bằng cử nhân hóa học, sinh học, dược sĩ trình độ đại học và kèm theo chứng chỉ hoặc chứng nhận đào tạo chuyên ngành kỹ thuật y học về xét nghiệm với thời gian đào tạo tối thiểu là 03 tháng hoặc văn bằng đào tạo sau đại học về chuyên khoa xét nghiệm;

d) Cử nhân dinh dưỡng, cao đẳng dinh dưỡng; văn bằng dinh dưỡng chuyên khoa.

3. Giấy xác nhận thời gian thực hành theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định này, hoặc bản sao hợp lệ các văn bằng tốt nghiệp bác sỹ nội trú, bác sỹ chuyên khoa theo quy định về đào tạo chuyên sâu đặc thù.

4. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị công tác từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên.

5. Hai ảnh chân dung màu, nền trắng, kích thước 04 cm x 06 cm, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày nộp đơn.

Điều 49. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong giai đoạn chuyển tiếp

1. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với người bị mất hoặc bị hư hỏng, gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định này;

b) Hai ảnh chân dung màu, nền trắng, kích thước 04 cm x 06 cm, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày nộp đơn.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề trong trường hợp đã bị thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 32 Nghị định này, gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định này;

b) Giấy chứng nhận đã cập nhật kiến thức y khoa liên tục theo quy định tại Điều 22 Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

c) Bản nhận xét của thủ trưởng đơn vị cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về khả năng chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp của người đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề.

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề cho các trường hợp quy định tại Điều 46 Nghị định này, gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định này;

b) Hai ảnh chân dung màu, nền trắng, kích thước 04 cm x 06 cm, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày nộp đơn;

c) Bản gốc chứng chỉ hành nghề đã được cấp.

Điều 50. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị hết hạn trong giai đoạn chuyển tiếp

1. Đơn đề nghị gia hạn giấy phép hành nghề theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định này.

2. Giấy chứng nhận đã cập nhật kiến thức y khoa liên tục theo quy định tại Điều 22 Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 51. Điều kiện cấp điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với chức danh chuyên môn bác sỹ

1. Điều kiện cấp điều chỉnh đối với chức danh chuyên môn bác sỹ đề nghị bổ sung hoặc thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn

a) Điều kiện cấp điều chỉnh giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn bác sỹ có phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa răng hàm mặt hoặc y học cổ truyền hoặc y học dự phòng: Hoàn thành bổ sung chương trình đào tạo và được cấp văn bằng bác sỹ đa khoa; văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận chuyên khoa phù hợp với phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa đề nghị thì được cấp bổ sung hoặc thay đổi phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa đó; thời gian thực hành và nội dung thực hành theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

b) Điều kiện cấp điều chỉnh giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn bác sỹ có phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa trừ các trường hợp quy định tại điểm a khoản này: Có văn bằng bác sỹ đa khoa; văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận chuyên khoa phù hợp với phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa đề nghị; thời gian thực hành và nội dung thực hành theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Trường hợp người đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề có văn bằng bác sỹ nội trú, bác sỹ chuyên khoa theo quy định về đào tạo chuyên sâu đặc thù các ngành, chuyên ngành thuộc lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với chuyên khoa đề nghị và được cấp không quá 24 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ thì không phải thực hành.

2. Điều kiện cấp điều chỉnh đối với chức danh chuyên môn bác sỹ đề nghị bổ sung kỹ thuật chuyên môn thuộc chuyên khoa khác với chuyên khoa trong phạm vi hành nghề

a) Đã được cấp giấy phép hành nghề với chức danh chuyên môn là bác sỹ;

b) Có chứng chỉ đào tạo kỹ thuật chuyên môn của chuyên khoa khác với phạm vi hành nghề trên giấy phép hành nghề do cơ sở đào tạo hợp pháp của Việt Nam theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế;

c) Văn bản của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cho phép bổ sung kỹ thuật chuyên môn;

d) Thời gian thực hành và nội dung thực hành theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

đ) Trường hợp người đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề có văn bằng bác sỹ nội trú, bác sỹ chuyên khoa theo quy định về đào tạo chuyên sâu đặc thù các ngành, chuyên ngành thuộc lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với chuyên khoa đề nghị và được cấp không quá 24 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ thì không phải thực hành.

Điều 52. Trường hợp, điều kiện cấp điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với người hành nghề có chức danh chuyên môn kỹ thuật y

1. Trường hợp cấp điều chỉnh giấy phép hành nghề

a) Bổ sung thêm phạm vi hành nghề của chuyên ngành khác với phạm vi hành nghề đã được cấp trên giấy phép hành nghề;

b) Thay đổi từ phạm vi hành nghề trên giấy phép hành nghề đã được cấp sang phạm vi hành nghề chuyên ngành khác.

2. Điều kiện cấp điều chỉnh giấy phép hành nghề đề nghị bổ sung hoặc thay đổi phạm vi hành nghề

a) Đã được cấp giấy phép hành nghề với chức danh chuyên môn là kỹ thuật y;

b) Có văn bằng chuyên môn kỹ thuật y trung cấp hoặc cao đẳng hoặc đại học hoặc đào tạo chuyên sâu có chuyên ngành khác với chuyên ngành của phạm vi hành nghề đã cấp thì được bổ sung hoặc thay đổi phạm vi hành nghề của chuyên ngành đó;

c) Thời gian thực hành và nội dung thực hành theo quy định tại Điều 15 Nghị định này; trường hợp người đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề có văn bằng bác sỹ chuyên khoa theo quy định về đào tạo chuyên sâu đặc thù các ngành, chuyên ngành thuộc lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với chuyên ngành đề nghị và được cấp không quá 24 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ thì không phải thực hành.

Điều 53. Hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong giai đoạn chuyển tiếp

Hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong giai đoạn chuyển tiếp thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định này trừ giấy chứng nhận đạt kết quả tại kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 54. Trình tự cấp mới, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong giai đoạn chuyển tiếp

1. Người đề nghị cấp mới, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại các Điều 48, 49, 50 và 53 Nghị định này trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc chuyển dữ liệu điện tử về Phòng/Ban quân y cấp trên trực tiếp cho tới đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, cơ sở y tế trực thuộc Công an đơn vị, địa phương thuộc Bộ Công an.

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổng

hợp, lập danh sách gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc chuyển dữ liệu điện tử về Cơ quan được giao quản lý về y tế kèm theo hồ sơ đề nghị của người hành nghề và công văn đề nghị của thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc Cơ quan được giao quản lý về y tế phải có văn bản trả lời đơn vị gửi hồ sơ, trong đó nêu cụ thể lý do không hợp lệ, yêu cầu sửa đổi hoặc bổ sung tài liệu có trong hồ sơ đề nghị. Thời gian sửa đổi, bổ sung tài liệu có trong hồ sơ không được tính vào thời hạn giải quyết.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được giao quản lý về y tế xét duyệt hồ sơ, hoàn thiện thủ tục, trình cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 45 Nghị định này quyết định cấp mới, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hành nghề.

3. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 45 Nghị định này quyết định, Cơ quan được giao quản lý về y tế trả giấy phép hành nghề cho người hành nghề.

Điều 55. Đình chỉ giấy phép hành nghề và thủ tục cho phép tiếp tục hành nghề sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn trong giai đoạn chuyển tiếp

1. Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị đình chỉ hành nghề do sai sót chuyên môn kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định này.

2. Trách nhiệm của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh khi bị đình chỉ hành nghề do sai sót chuyên môn kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định này.

3. Thủ tục đình chỉ hoạt động chuyên môn của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định này.

4. Thời gian đình chỉ hoạt động chuyên môn của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định này.

5. Hồ sơ, thủ tục cho phép được tiếp tục hành nghề sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định này.

Điều 56. Thu hồi và xử lý sau thu hồi giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp

1. Thủ tục thu hồi giấy phép hành nghề đối với các trường hợp người hành nghề bị thu hồi giấy phép hành nghề khi vi phạm một trong các quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Khám bệnh, chữa bệnh thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định này.

2. Xử lý sau thu hồi giấy phép hành nghề

a) Đối với các trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 1 Điều 35 Luật Khám bệnh, chữa bệnh: Người có chứng chỉ bị thu hồi phải thực hiện lại thủ tục đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề theo quy định tại Điều 48, Điều 54 Nghị định này;

b) Đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 35 Luật Khám bệnh, chữa bệnh: Trong thời ***hạn*** 24 tháng kể, từ ngày quyết định thu hồi giấy phép hành nghề có hiệu lực thi hành, nếu người có giấy phép hành nghề bị thu hồi đã hoàn thành thực hành theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này thì được thực hiện thủ tục cấp lại giấy phép hành nghề theo quy định tại Điều 49, Điều 54 Nghị định này.

Trường hợp sau 24 tháng, kể từ ngày quyết định thu hồi giấy phép hành nghề có hiệu lực thi hành, nếu người có giấy phép hành nghề bị thu hồi không hoàn thành thực hành theo quy định tại điểm a khoản này thì phải thực hiện quy trình cấp mới giấy phép hành nghề theo quy định tại Điều 48, Điều 54 Nghị định này;

c) Đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại một trong các điểm e, g, h và i khoản 1 Điều 35 Luật Khám bệnh, chữa bệnh: Trong thời gian 12 tháng, kể từ ngày quyết định thu hồi giấy phép hành nghề có hiệu lực thi hành, nếu người có giấy phép hành nghề bị thu hồi đã hoàn thành cập nhật kiến thức y khoa liên tục thì thủ tục cấp lại giấy phép hành nghề thực hiện theo quy định tại Điều 49, Điều 54 Nghị định này.

Trường hợp sau 12 tháng, kể từ ngày quyết định thu hồi giấy phép hành nghề có hiệu lực thi hành, nếu người có giấy phép hành nghề bị thu hồi không hoàn thành cập nhật kiến thức y khoa liên tục quy định tại điểm a khoản này thì phải thực hiện quy trình cấp mới giấy phép hành nghề theo quy định tại Điều 48, Điều 54 Nghị định này.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 57. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024

2. Nghị định số 50/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong Quân đội hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 58. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (3b).